



BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu⁽¹⁾: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Tân Việt

1.2. Địa chỉ: 481 Nguyễn Văn Cừ - Phường Gia Thụy – Quận Long Biên - TP.Hà Nội

1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô hai bánh/ xe gắn máy hai bánh/ loại xe khác⁽¹⁾

1.4. Nhãn hiệu: Yamaha

1.5. Tên thương mại: XSR

1.6. Mã kiểu loại (Số loại) : MTM155

1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 001264/20XM

1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3761/NETC-M/20/C ngày 21/7/2020

2. Thông số kỹ thuật của Xe

2.1. Khối lượng bản thân: 134kg

2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 306kg

2.3. Động cơ

2.3.1. Kiểu động cơ: G3J6E, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng

2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 155,09cm³

2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 14,2 kW/10000 rpm

2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/Phun nhiên liệu/khác...⁽¹⁾

2.5. Hộp số

2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/Tự động⁽¹⁾

2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 cấp

2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:

Số 1: 2,833

Số 2: 1,875

Số 3: 1,364

Số 4: 1,143

Số 5: 0,957

Số 6: 0,840

2.6. Tỷ số truyền cuối cùng:

2.7. Lốp

2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 110/70-17M/C áp suất lốp: 225kPa

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 140/70-17M/C áp suất lốp: 250kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định:

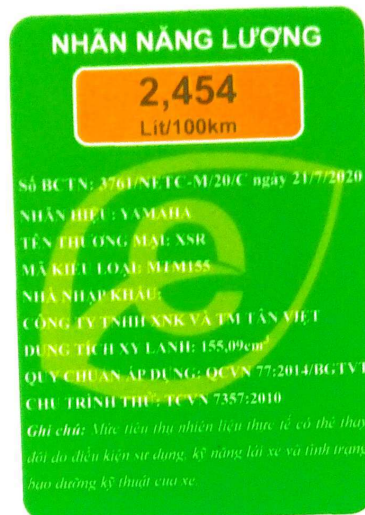
3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/...⁽¹⁾

3.2 Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,454/100km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50x70(mm)

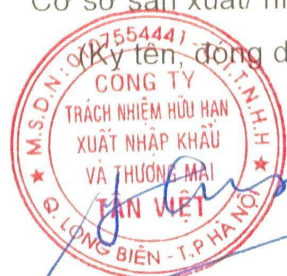


5. Ghi chú (nếu có):

Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe

Hà nội, ngày 24/7/2020

Cơ sở sản xuất/ nhập khẩu



Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm

GIÁM ĐỐC
Phan Thị Hồng Diệp